Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 8 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH TUYÊN QUANG
Chương: 014

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 157/QĐ-CTHADS ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc							
					Văn phòng Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	Chi cục THADS thành phố	Chi cục THADS huyện Yên Sơn	Chi cục THADS huyện Sơn Dương	Chi cục THADS huyện Hàm yên	Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa	Chi cục THADS huyện Na Hang	Chi cục THADS huyện Lâm Bình
1	2	3	4	5=4-3	6	7	8	9	10	11	12	13
A	**Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**											
I	**Số thu phí, lệ phí**	**683,683**	**683,683**		**35,918**	**250,282**	**114,702**	**155,907**	**94,454**	**7,904**	**9,523**	**14,994**
1	Phí thi hành án	683,683	683,683	0	35,918	250,282	114,702	155,907	94,454	7,904	9,523	14,994
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**	**742,261**	**742,261**	**0**	**118,771**	**182,486**	**91,259**	**131,146**	**66,460**	**66,507**	**50,305**	**35,327**
1	***Chi sự nghiệp……..***											
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
2	***Chi quản lý hành chính***	**742,261**	**742,261**	**0**	**118,771**	**182,486**	**91,259**	**131,146**	**66,460**	**66,507**	**50,305**	**35,327**
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	*742,261*	*742,261*	*0*	118,771	*182,486*	*91,259*	*131,146*	*66,460*	*66,507*	*50,305*	*35,327*
	- Phí thi hành án được trích lại	236,567	236,567		3,000	98,236	38,259	64,446	26,091	3,607	0	2,927
	- Phí THA được điều hòa	505,694	505,694		115,771	84,250	53,000	66,700	40,368	62,900	50,305	32,400
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ											
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**											
2	Phí	**248,594**	**248,594**		**13,101**	**90,730**	**42,255**	**56,516**	**34,239**	**2,865**	**3,452**	**5,435**
	- Phí thi hành án	248,594	248,594		13,101	90,730	42,255	56,516	34,239	2,865	3,452	5,435
	Phí …											
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**											
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**18,411,885**	**18,411,885**	**0**	**6,135,111**	**2,859,993**	**1,842,880**	**2,280,055**	**1,619,101**	**1,510,969**	**1,150,624**	**1,013,152**
1	**Chi quản lý hành chính**	*18,411,885*	*18,411,885*	*0*	*6,135,111*	*2,859,993*	*1,842,880*	*2,280,055*	*1,619,101*	*1,510,969*	*1,150,624*	*1,013,152*
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	16,862,943	16,862,943		5,223,691	2,655,976	1,766,405	2,192,230	1,543,516	1,436,019	1,094,869	950,237
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1,548,942	1,548,942		911,420.4	204,017	76,475	87,825	75,585	74,950	55,755	62,915

2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**											
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ											
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia											
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ											
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở											
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng											
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**											
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**											
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
5	**Chi bảo đảm xã hội**											
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
6	**Chi hoạt động kinh tế**											
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**											
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**											
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**											
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**											
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
II	**Nguồn vốn viện trợ**											
1	**Chi quản lý hành chính**											
1.1	Dự án A											
1.2	Dự án B											
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**											
2.1	Dự án A											

2.2	Dự án B											
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**											
3.1	Dự án A											
3.2	Dự án B											
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**											
4.1	Dự án A											
4.2	Dự án B											
5	**Chi bảo đảm xã hội**											
5.1	Dự án A											
2.2	Dự án B											
6	**Chi hoạt động kinh tế**											
6.1	Dự án A											
6.2	Dự án B											
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**											
7.1	Dự án A											
7.2	Dự án B											
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**											
8.1	Dự án A											
8.2	Dự án B											
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**											
9.1	Dự án A											
9.2	Dự án B											
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**											
10.1	Dự án A											
10.2	Dự án B											
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**											
1	**Chi quản lý hành chính**											
1.1	Dự án A											
1.2	Dự án B											
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**											
2.1	Dự án A											
2.2	Dự án B											
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**											
3.1	Dự án A											
3.2	Dự án B											
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**											
4.1	Dự án A											
4.2	Dự án B											
5	**Chi bảo đảm xã hội**											

5.1	Dự án A											
2.2	Dự án B											
6	**Chi hoạt động kinh tế**											
6.1	Dự án A											
6.2	Dự án B											
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**											
7.1	Dự án A											
7.2	Dự án B											
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**											
8.1	Dự án A											
8.2	Dự án B											
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**											
9.1	Dự án A											
9.2	Dự án B											
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**											
10.1	Dự án A											
10.2	Dự án B											